

KIM NHẬT



# **BÁC HỒ**

## **NHỮNG CÂU CHUYỆN CẢM ĐỘNG**



**NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN**



**KIM NHẬT**

**BÁC HỒ  
NHỮNG CÂU CHUYỆN  
CẢM ĐỘNG**

**(In lần thứ ba)**

**NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN - 2007**



## LỜI NÓI ĐẦU

Danh nhân kim cổ trên thế giới thường để lại phần tinh hoa tư tưởng của họ thông qua những lời nói, những trước tác, những chuyện kể giản dị, hàm súc chứa đựng nhiều chân lý và có sức thuyết phục nhiều thời đại. Bác Hồ của chúng ta là một trong những người như vậy.

Phần do kính yêu Bác, phần do yêu cầu công việc, nhà báo Kim Nhật (tên thật là Nguyễn Văn Hùng, hiện công tác tại Báo Nghệ An) đã bỏ tâm lực trong nhiều năm để tìm hiểu, sưu tập, nghiên ngẫm và viết nên 26 bài viết nhỏ trong tập sách còn khiêm tốn mang tên **Bác Hồ, những câu chuyện cảm động**.

Trước đây, chuyện kể về Bác đã được nhiều Nhà xuất bản trong và ngoài nước tổ chức tập hợp, biên soạn, xuất bản và được bạn đọc hoan nghênh. Tiếp thu một số kết quả của người đi trước, cuốn sách nhỏ này có những điểm đáng chú ý về tư liệu, nghệ thuật kể chuyện, cách phân tích, tiếp cận bản chất sự

việc, lời nói, từ đó tìm ra bài học ứng xử đối với cuộc sống hiện nay.

Nhiều năm gần đây, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang kiên trì học tập, sống và làm việc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vậy, cuốn sách bạn có trên tay là một tài liệu tham khảo bổ ích, qua câu chuyện nhỏ mà đến được với những tư tưởng lớn. Tuy vậy, cuộc đời và tư tưởng của Người rất sâu rộng, nhiều giá trị cần phải có thời gian và trí tuệ của nhiều người mới khám phá, thấm nhuần hết được, nên chắc hẳn cuốn sách chưa đáp ứng được nhiều, thậm chí đây đó còn có hạn chế...

Nhà xuất bản mong bạn đọc thông cảm và hy vọng sẽ nhận được ý kiến góp ý, để lần tái bản sau, cuốn sách hoàn thiện hơn!

*NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN*

## NGƯỜI MỞ TRANG ĐẦU CHO NỀN MỸ THUẬT CÁCH MẠNG NƯỚC TA

Chưa bao giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh tự nhận mình là họa sĩ, nhưng trên mỗi bước đường hoạt động cách mạng đầy chông gai, qua nhiều nước Á - Âu, Người đều sử dụng lão luyện ngòi bút báo chí như một công cụ hỗ trợ đắc lực. Bởi thế, Người tự nhận mình là một nhà báo.

Hẳn nhiều bạn đọc trong chúng ta còn nhớ bài báo *“Hành hình kiểu Lin-xơ, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ”* (đăng trong Tạp chí *Thư tín Quốc tế*, số 59, năm 1924). Với bài báo nổi tiếng này, nhà yêu nước - nhà báo Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo một kiểu giết người cực kỳ man rợ thời kỳ chế độ nô lệ tại nước Mỹ: Người da đen bị trói vào cây, bị tưới dầu hoả, rồi bị đốt cháy! Trước khi chết, họ còn bị bẻ dân từng chiếc răng, bị móc mắt, bị rút

từng nhúm tóc kéo theo từng mảng thịt da, để lộ cái sọ người đầm máu... Chỉ trong vòng 30 năm, từ 1889 đến 1919, tại nhiều bang của nước Mỹ đã có 2.600 người da đen, 708 người da trắng bị hành hình theo kiểu Lin-xơ! Để mức tố cáo ở các bài báo được tăng thêm sức thuyết phục, thời gian làm báo, phụ trách các tờ báo trong đó có Báo *Người cùng khổ* tại Thủ đô Pa-ri (số 1 ra ngày 1-4-1922 và ra khoảng 38 số thì bị đình bản), Nguyễn Ái Quốc còn vẽ nhiều tranh biếm họa, đả kích tội ác đầy thú tính của chủ nghĩa thực dân và đế quốc. Tiêu biểu như các bức: *Người Pháp đánh đập tàn nhẫn dân bản xứ, Phu kéo xe cho quan lại Pháp...* Nguyễn Ái Quốc còn vẽ nhiều tranh khơi gợi niềm tự hào dân tộc Việt Nam, như các bức: *Hai Bà Trưng, Ông Lý Thường Kiệt, Ông Trần Hưng Đạo, Ông Đền Thám, Bà Bùi Thị Xuân...* Trang bìa của tập thơ *Nhật ký trong tù*, viết trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1941 đến tháng 9 năm 1943, Bác có bức vẽ tả hai nắm tay bị xích xiềng đang vùng mạnh lên nhằm biểu thị quyết tâm, bản lĩnh, niềm tin vào chiến thắng cuối cùng! Những năm

1941, 1942 (trước khi bị bắt giam ở Trung Quốc), Bác trực tiếp phụ trách và viết bài cho báo *Việt Nam Độc lập*. Kể từ số đầu tiên ra ngày 1 tháng 8 năm 1941 đến các số cuối tháng 8 năm 1942, trên mặt báo, Bác hay có những vần thơ lẻ. Có lần, cạnh 2 câu thơ lục bát: “*Làm giỏi thì được mề đay* (tiếng Pháp, chỉ huy chương)/ *Chúng ta đều phải xắn tay mà làm*”, nhà báo Hồ Chí Minh vẽ một tám huy chương hình ngôi sao năm cánh, ở giữa có hai chữ V.M, để thưởng cho hội viên nào có thành tích...

Có thể khẳng định tính nhạy cảm, năng động, quyết liệt, kịp thời, óc thẩm mỹ với lối vẽ vừa trực diện dễ hiểu vừa thâm thúy sâu cay qua nhiều bức tranh của Bác đã trở thành những hồi chuông góp phần to lớn cảnh tỉnh lòng yêu nước thương dân, mối căm thù không đội trời chung với thực dân đế quốc và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê Nin cho người Việt Nam giữa đêm trường nô lệ.

Trên cơ sở sưu tầm, nghiên cứu các tác phẩm hội họa, điêu khắc đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, nhiều học giả đều thống nhất cho rằng:

Nguyễn Ái Quốc, ngòi bút tiên phong dùng mỹ thuật làm vũ khí đấu tranh giải phóng dân tộc và loài người bị áp bức; chính Người đã đặt những viên gạch đầu tiên cho nền Mỹ thuật Cách mạng nước ta phát triển sôi động và đạt nhiều thành tựu suốt một thế kỷ vừa qua!

## HỌC TIẾNG NÓI CỦA LÊ NIN

Ngôn ngữ là thứ sản phẩm đặc biệt của mỗi nền văn hoá, là một tiêu chuẩn quan trọng để phân định, đánh giá sự ra đời và trưởng thành của một dân tộc gắn với vị thế, phạm vi ảnh hưởng của dân tộc đó. Tiếng Nga, ai cũng biết, là một ngôn ngữ chính xác, bay bổng nhưng lại rất khó học, càng khó sử dụng... Ấy vậy mà, ngay từ khi đặt chân lên đất nước Liên Xô - ngày 30 tháng 5 năm 1923 - để có thêm phương tiện nhận thức, tư duy, và hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ học tiếng Nga. Chỉ trong một thời gian ngắn, Người đã nghe và nói được một số tiếng thường dùng trong đời sống giao tiếp hàng ngày. Điều đó, làm cho một số bạn thân của Người lúc bấy giờ, hết sức ngạc nhiên! Với tinh thần ham học hỏi đó, khoảng 5 năm trên đất bạn, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã nắm khá thành thạo tiếng Nga.

G.S Nguyễn Khánh Toàn sau này có cho biết: Thời gian Bác vào lớp Nghiên cứu sinh Ban Sử học của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Bác đồng thời nhận phiên dịch nhiều tài liệu từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Với tiếng Nga học được, Bác viết rất nhiều bài báo giàu tính chiến đấu và quốc tế, gửi đăng các báo chí ở Liên Xô hồi đó, như *Sự Thật*, *Tiếng Còi*, *Tạp chí Đỏ*, *Thời Mới*... Khi đã ở vào cương vị Chủ tịch nước, Bác Hồ từng sang thăm Liên Xô nhiều lần. Bác đi nhiều nơi, trò chuyện với nhiều người bằng tiếng Nga, riêng với Trường Ngoại ngữ mang tên Hồ Chí Minh ở I-éch-kút, Bác đến mấy lần. Đây là một Học viện dạy tiếng nước ngoài ở Liên Xô, vinh dự được gắn tên Hồ Chí Minh từ cuối năm 1969 (Bác qua đời), là trường kết nghĩa với Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Các nhà giáo dục công tác tại trường này còn mãi nhắc nhở và trân trọng nhiều kỷ niệm đẹp, xúc động về những buổi gặp, đón Bác năm xưa. Nhờ vào uy tín của mình, và nhờ có trình độ tiếng Nga nữa, Bác đã làm tăng thêm bầu không khí ấm áp, tình hữu nghị chân thành và thắm

thiết giữa hai nước Việt Nam - Liên Xô cả một thời gian dài.

Một nhà báo lớn của Việt Nam được đi công tác cùng Bác sang Liên Xô, là nhà báo Thép Mới, có kể lại câu chuyện sau: Đã có một đồng chí ở Thủ đô Mát-xcơ-va thốt lên, rằng từ trước đến nay, những người nổi tiếng trên thế giới đến Liên Xô mà nói sõi được tiếng Nga thì chỉ có 3 người: Đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp Mô-rít Tô-rê; nhà nghệ sĩ da đen người Mỹ Pôn Rốp-xơn; và Chủ tịch Hồ Chí Minh!

Như vậy, học và sử dụng tiếng Nga tuy khó nhưng người Việt Nam ta không phải không làm được. Ngoài Bác Hồ, còn có nhiều tấm gương tự học rồi sử dụng thành thạo tiếng Nga trong ngoại giao và các chuyên ngành khoa học, văn hóa, văn học - nghệ thuật. Đáng tiếc, những người như vậy ngày càng hiếm đi, khiến cho tình hình rất khác trước. Một ông bạn dạy tiếng Nga vào loại kỳ cựu của tôi, hôm nọ than phiền: "Từ ngày tiếng Anh lên ngôi, thì tiếng Nga trở nên lép vế dần, có lúc đến thảm hại! Đã có thời gian dài ở

bậc đại học và phổ thông, tiếng Nga không được dạy, hoặc có dạy cũng rất hình thức, đối phó”.

Buồn lắm! Tiếng Nga không chỉ gắn liền với tên tuổi Lê Nin, với chủ nghĩa xã hội; tiếng Nga còn là hiện thân máu thịt của tính cách Nga, với văn hoá và văn học Nga nữa. Chúng ta từng “say” tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Nga. Bây giờ người ta đổ xô đi học tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Đức... Trong khi đó, theo kinh nghiệm của nhiều người giỏi ngoại ngữ, muốn hiểu, nắm chắc và sử dụng thành thạo một thứ tiếng, cần phải bỏ ra... cả một đời người!

Văn hào L.Tôn-xtôi từng nói: *“Ngôn ngữ là linh hồn của dân tộc”*. Vâng, nhưng tôi nghĩ, với tiếng Nga thì đó đâu chỉ là “linh hồn” của riêng người Nga?! Cộng hoà Liên bang Nga, với diện tích 17.075.400km<sup>2</sup>, dân số 146.601.176 người, có quan hệ ngoại giao với nước ta từ ngày 3-1-1950. Ngôn ngữ của một đất nước rộng lớn, giàu truyền thống và tiềm lực như thế, từng một thời làm say đắm nhân loại tới mức mê hoặc như thế, lẽ nào ngày nay, tiếng Nga không còn đủ sức hấp dẫn loài người tiến bộ nữa?!

## THÊM BẢN DỊCH MỘT BÀI THƠ CHỮ HÁN CỦA BÁC

*Thân thể tại ngục trung,  
Tinh thần tại ngục ngoại.  
Dục thành đại sự nghiệp,  
Tinh thần càng yấn đại.*

Trong nguyên tác, tập thơ chữ Hán *Ngục trung nhật ký* của Bác Hồ có 133 bài. Bốn câu thơ này không có đầu đề, tác giả chép ở ngoài bìa tập thơ cùng hình vẽ hai cánh tay bị xiềng.

Bài thơ có ý nghĩa như một lời “đề từ” cho toàn bộ cuốn *Nhật ký*. Bản dịch nghĩa: “*Thân thể ở trong ngục/ Tinh thần ở ngoài ngục/ Muốn thành sự nghiệp lớn/ Tinh thần càng phải lớn*”. Năm 1960, lần đầu tiên Viện Văn học nước ta hoàn thành bản dịch và cho xuất bản tập *Nhật ký trong tù* vào đúng dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh tròn

70 tuổi. Bài thơ được nhà thơ - dịch giả Nam Trân dịch thành thơ như sau:

*Thân thể ở trong lao,  
Tinh thần ở ngoài lao.  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần càng phải cao.*

Cho đến nay, bản dịch thơ của Nam Trân vẫn được nhiều thế hệ bạn đọc trong đó có học sinh, sinh viên yêu thơ Bác biết đến, chẳng những thế, họ còn thuộc lòng. Mặc dù vậy, theo nhà Hán học Trần Đắc Thọ, tác giả công trình *Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch* (NXB Đại học Quốc gia Hà nội - 2003) thì bài thơ này, Bác có dụng ý sử dụng vần trắc (Các chữ *ngoại, nghiệp, đại* khi phát âm thì nặng và ngắn), qua đó Người muốn nói lên những gian nan thử thách đã và sẽ đến với mình, đồng thời nhấn mạnh quyết tâm cao để vượt qua tất cả. Từ quan niệm này, ông Trần Đắc Thọ đề xuất một bản dịch thơ khác:

*Thân thể trong ngục,  
Tinh thần ở ngoài ngục.  
Sự nghiệp lớn muốn thành,  
Tinh thần cao tốt bậc.*

Bản dịch thơ này, quả thật không “thoát” như bản dịch của Nam Trân, nhưng có phần chắc là bám sát tinh thần, âm điệu của nguyên bản hơn, đặc biệt là ở vần trắc cuối các câu thơ, chứa đựng nhiều dụng ý của một Người - Tù - Vĩ - Đại.

## “MỘT NHÀNH MAI” HAY “MỘT CÂY CHI MAI”?

Trong phần thơ chữ Hán của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài 133 bài thơ của tập *Nhật ký trong tù* (viết từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943), Người còn có nhiều tác phẩm vào loại thật hay nữa, mà bài thơ chữ Hán cuối cùng của Bác là bài “*Mậu Thân xuân tiết*” (viết ngày 14-4-1968).

Bài thơ “*Thương sơn*” sau đây, Bác viết tại Lũng Dẻ, năm 1942:

Phiên âm:

### THƯƠNG SƠN

*Lục nguyệt nhị thập tứ,  
Thương đáo thử sơn lai.  
Cử đầu hồng nhật cận,  
Đối ngạn nhất chi mai.*

Lũng Dẻ, 1942

Dịch nghĩa:

## LÊN NÚI

Ngày hai mươi tư tháng sáu,

Trèo lên trên núi này.

Ngẩng đầu thấy gần mặt trời đỏ,

Bên kia suối, có một nhành mai.

Lũng Dẻ là tên một cái hang ở sườn dãy núi đá Lam Sơn, thuộc xã Minh Tân, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tại hang này, có đặt cơ quan ấn loát *Báo Việt Nam Độc lập* (trước kia ở Khuổi Nặm - Pắc Bó, nay mới chuyển về Lũng Dẻ), do Bác Hồ sáng lập và trực tiếp phụ trách. Bài thơ tứ tuyệt viết ở Lũng Dẻ này, rất kiệm lời, tính biểu trưng cao, thể hiện tầm nhìn và con mắt thơ của một thi sĩ phương Đông. Điều khiến tôi còn có sự phân vân nằm ở câu kết: “*Đối ngạn nhất chi mai*”. Các bản dịch trước đây, đều được dịch: Bên bờ suối đối diện có một nhành mai. Bản dịch khá quen thuộc của nhà thơ Tố Hữu cũng hiểu vậy: “*Hai mươi tư tháng sáu/ Lên ngọn núi này chơi/ Ngẩng đầu: mặt trời đỏ/ Bên suối một nhành mai*”. Nhưng, cũng ở câu thơ thứ

4 này, lại có một cách hiểu khác cần được chú ý. Nhà Hán học Trần Đắc Thọ trong cuốn sách *Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội - 2003) cho rằng: “Nhất chi mai” là một cây chi mai, chứ không phải một nhành mai. Theo ông, chi mai là một loại mai nhỏ, thường được trồng vào chậu, hoa nở vào mùa xuân, không kết trái. Người ta có thói quen chơi chi mai cả cây, chứ không cắt cành vì hoa chóng tàn. Khi nhận xét về các bản dịch cũ, ông Trần Đắc Thọ viết: “Thiết nghĩ, nếu chỉ đơn giản là một nhành mai thì nó sẽ lẫn vào cây cỏ khác. Tác giả ghi rõ thời điểm làm bài thơ là 24 tháng 6 - lúc đó mai làm gì còn hoa nữa?”. “Nhất chi mai” ở đây không có nghĩa như “nhất chi mai” trong bài thơ nổi tiếng của Mãn Giác Thiền sư đời Lý: “Ngạc vị xuân tàn, hoa lạc tận/ Đình tiền tạc dạ, nhất chi mai” (Dịch thơ: Chớ tưởng xuân tàn hoa rụng hết/ Đêm qua sân trước một nhành mai).

Vậy, cụm từ “nhất chi mai” trong câu thơ “Đối ngạn nhất chi mai” là một nhành mai, hay là một cây chi mai? Một chi tiết tuy nhỏ nhưng

nó lại ở trong câu cuối một bài thơ tứ tuyệt, có thể xem là một điểm nhấn, tạo nên tứ thơ, nên cũng cần được minh định. Ở Cao Bằng, nếu có loài chi mai thật, thì cách hiểu và dịch của Trần Đắc Thọ có cái lý của ông (*Bên bờ đôi diện có một cây chi mai*). Nhưng cũng không loại trừ khả năng, đó chỉ đơn giản là một nhành mai, như cách hiểu và dịch của nhà thơ Tố Hữu. Trong thơ ca, một nhành mai có thể đại diện cho một cây mai lắm chứ?!

Và, sẽ cảm động biết bao khi chúng ta biết thêm điều này: Ngày 24-6-1942, Bác Hồ “*Thượng sơn*” (Lên núi) thì chỉ một thời gian rất ngắn sau đó, ngày 27-8-1942, Bác lên đường từ sáng sớm đi Bình Mã, đến Túc Vinh (huyện Đức Bảo, Quảng Tây, Trung Quốc), liền bị bọn tuần canh bắt giữ. Sự kiện oái ăm này đã mở đầu cho thời gian hơn một năm Người bị Quốc dân đảng Trung Quốc giam hãm, đoạ đày, để từ đó viết nên tập thơ bất hủ *Nhật ký trong tù*!

## BÀI THƠ CUỐI MỞ ĐẦU TỰ DO

Tập thơ *Nhật ký trong tù* gồm 134 bài (không kể bài thứ 135 “*Mới ra tù tập leo núi*” in cuối tập khi tác giả được tự do), viết từ ngày 29-8-1942 đến ngày 10-9-1943, khoảng thời gian Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam ở Quảng Tây (Trung Quốc). *Nhật ký trong tù* được Viện Văn học tổ chức dịch và Nhà xuất bản Văn hóa (Hà Nội) cho ra mắt rộng rãi bạn đọc vào năm 1960. Từ đấy tới nay, tập thơ đã nhiều lần tái bản; được nhiều nhà nghiên cứu, phê bình và bạn đọc trong, ngoài nước tìm hiểu một cách trân trọng, công phu chủ yếu nhằm giải đáp một thắc mắc mà Giáo sư Đặng Thai Mai có lần nêu ra: “*Cái gì trong tập thơ này đã quyến rũ người đọc, đã làm cho người đọc ở nước ta cũng như ở nước ngoài đánh giá hết sức cao?*”.

Áp-đen Ma-lếch Kha-lin, trên báo *Tin tức* (Ai-cập) ra ngày 10-9-1969, đã hết lời ca ngợi: “*Cụ đã trở thành như một vị Thánh, một người thầy, một*

*người tiêu biểu cho cuộc kháng chiến, một nhà văn, một nhà tuyên truyền chính trị, một nhà nghiên cứu văn học sắc bén và một nhà thơ giàu tình cảm".* Khía cạnh nhà thơ với tập *Nhật ký trong tù*, A. Kha-lin viết: *"Còn về nhà thơ Hồ Chí Minh, thì phải nói rằng Cụ vào loại có một không hai trong cả khu vực Đông Nam Á, như đã thể hiện trong các bài thơ Cụ sáng tác trong thời gian bị tù đày ở Trung Quốc dưới chế độ Tưởng Giới Thạch, khi Cụ bị bọn cầm quyền Trung Quốc giam giữ, gông cùm và xiềng xích!"*. Đọc những bài thơ trong *Nhật ký trong tù*, tác giả cảm thấy rõ: *"Nguồn thơ của Cụ không bao giờ dứt. Và những bài thơ đó tự nó cũng đã hợp thành một bản anh hùng ca về một con người tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh và những cuộc chiến đấu của mình"*.

Còn Gioóc-giơ Bu-đa-ren, ở lời giới thiệu *Nhật ký trong tù* (Pa-ri, 1971) thì đã gắn kết phẩm chất "người chiến sĩ" và "nhà thơ" trong mỗi hình tượng thơ của Người. Tác giả này đi đến một kết luận đáng chú ý: *"Trong bản thân con người Ông Hồ Chí Minh, nhà cách mạng với nghệ sĩ kiểu mới là một"*. G. Bu-đa-ren còn thấy rõ tư tưởng Nhân văn vô cùng quý giá trong toàn bộ tập *Nhật ký*: *"Trong tất cả các bài thơ, không*

*bài nào vắng bóng con người. Các bài thơ ấy góp phần tạo nên tư tưởng Nhân văn cho toàn tác phẩm, và góp phần soi sáng một thực tế đang đe dọa, phá hoại con người! ”.*

Tập thơ *Nhật ký trong tù* quả là viên ngọc quý trong kho tàng văn hoá - văn học Việt Nam và nhân loại. Bạn đọc rộng rãi đã và sẽ còn dành nhiều thời gian, nhiều tâm huyết và nhiều phương pháp tiếp cận nữa để tìm hiểu về hiện tượng văn học vừa sâu sắc vừa độc đáo này.

Ngày 10 tháng 9 năm 2003, chúng ta kỷ niệm 60 năm Bác Hồ viết bài thơ cuối cùng, bài số 134 "Kết luận" tập *Nhật ký trong tù*:

*May mắn gặp được chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,  
Mà nay ta lại là người tự do.*

*Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,*

*Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu!*

29-8-1942 - 10-9-1943.

Hết

Bài thơ cuối tập thơ *Nhật ký* đã mở đầu một Tự do mới của Bác Hồ, góp phần quan trọng mở ra một thời đại chưa từng có trong lịch sử Cách mạng nước ta!

## “ĐÃ SÁNG LẠI TRỜI THU THÁNG TÁM”

Do thời cơ giành chính quyền đã đến gần, ngày 8 tháng 8 năm 1945, Việt Minh liên tỉnh Nghệ - Tĩnh (thành lập ngày 19-5-1945) tổ chức Đại hội đại biểu bàn kế hoạch Tổng khởi nghĩa. Đại hội khai mạc tại làng Châu Sơn, xã Phúc Mỹ, nay là xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên.

Trước tình hình thay đổi mau lẹ, Ban Thường vụ Mặt trận Việt Minh Nghệ - Tĩnh đã thành lập ngay Ủy ban khởi nghĩa và phát động khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh. Ngày 15-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chớp thời cơ thuận lợi đó, Ủy ban khởi nghĩa Nghệ - Tĩnh phát lệnh: *“Các địa phương phải bố trí ngay việc cướp chính quyền, tùy hoàn cảnh của từng địa phương, không câu nệ làng trước hay huyện*

*trước. Cướp chính quyền xong, phải tuyên bố huỷ bỏ các pháp luật, quyền lợi kinh tế, chính trị, xã hội do Pháp, Nhật và chính phủ bù nhìn lập ra”.*

Nhận được lệnh, ngày 16-8-1945, nhân dân xã Thanh Thuỷ, huyện Nam Đàn đã vùng dậy giành chính quyền; tiếp đó là các làng quanh Thành phố Vinh như Yên Dũng, Lộc Đa (ngày 17-8-1945). Quỳnh Lưu là huyện đầu tiên ở Nghệ An giành chính quyền cấp huyện thắng lợi vào ngày 18-8.

Phong trào khởi nghĩa trên đà phát triển, được tin bọn tàn quân Pháp kéo vào vùng Na-pê (Lào) để từ đó nhảy vào Nghệ An và Hà Tĩnh, ngày 18-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Nghệ - Tĩnh liền ra thông tư khẩn cấp cho các địa phương: *“Lập tức cướp chính quyền và tổ chức ngay cứu quân để sẵn sàng đối phó với âm mưu khôi phục thuộc địa của Pháp. Tổ chức tòa án nhân dân cách mạng trừng trị bọn Việt gian và trộm cướp, tổng động viên sức người, sức của cho cách mạng”.* Nhận được thông tư này, nhiều địa phương phải thay đổi kế hoạch khởi nghĩa của

mình. Ủy ban khởi nghĩa huyện Hưng Nguyên liền phát động quần chúng biểu tình kéo lên phủ lý giành chính quyền thắng lợi vào ngày 19-8-1945.

Tại Thành phố Vinh (ngày 10-12-1927, chính quyền thực dân Pháp cho ra đời Thành phố Vinh - Bến Thủy), vì đang có quân Nhật với đầy đủ vũ khí trang bị, để tránh đổ máu, ngày 19-8, ta tổ chức lực lượng điều hành thăm dò thái độ của quân Nhật, nhưng quân Nhật vẫn im lặng. Ngày 21-8-1945, ta tiến hành giành chính quyền tại thành phố. Đồng chí Nguyễn Tài, đại diện Việt Minh vào gặp chỉ huy quân Nhật. Trước khí thế áp đảo của cách mạng, bọn Nhật phải chấp nhận mọi yêu cầu của ta.

Đúng 12 giờ trưa ngày 21-8-1945, các lực lượng cách mạng kéo đến, bao vây Dinh tỉnh trưởng Nghệ An. Tỉnh trưởng Đặng Văn Hướng tuyên bố đầu hàng cách mạng. Đồng chí Lê Viết Lượng, thay mặt Ủy ban cách mạng lâm thời Nghệ An tuyên bố xoá bỏ chính quyền cũ, thiết lập chính quyền mới, kêu gọi quần chúng giúp

đỡ, giữ gìn trật tự an ninh trong thành phố, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Như vậy là với thắng lợi ở Thành phố Vinh, cuộc Khởi nghĩa tháng Tám giành chính quyền trên toàn tỉnh ta đã thành công! Nhân dân các dân tộc Nghệ An, bao năm lầm than, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật và vua quan phong kiến thống trị, nay đứng dậy cùng cả nước giành chính quyền, độc lập, tự chủ.

Còn nhớ, trong Thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nghệ An tỉnh nhà (Hà Nội, ngày 17-9-1945), lấy danh nghĩa là một Người - Đồng Chí - Già mà viết, san sẻ ít nhiều kinh nghiệm với các đồng chí của mình, Người phân tích và khẳng định: *“Cuộc dân tộc cách mạng thành công này có những ý nghĩa, đó là: Trong một thời gian ngắn, chúng ta đã phá tan chế độ quân chủ chuyên chế mấy nghìn năm nay. Chúng ta đã đánh đổ cái nền thống trị của hai đế quốc chủ nghĩa: Pháp và Nhật. Chúng ta đã lập nên một chính thể Dân chủ cộng hoà. Đó là một thắng lợi xưa nay chưa từng thấy trong lịch sử nước ta!”*. Trong thư, Người - Đồng - Chí - Già còn động

viên cán bộ và nhân dân Nghệ An trên cơ sở nhận thức rõ cái tất yếu sẽ đến: *“Công việc phá hoại xong rồi. Nay bước đầu công việc dọn dẹp sắp đặt, giữ gìn kiến thiết. À! Việc này mới khó chứ”*. Người viết tiếp: *“Khó thì khó thật, nhưng chúng ta quyết tâm, chúng ta vừa làm vừa học, nhất là chúng ta cố mà theo cho đúng chính sách của Chính phủ, thì nhất định chúng ta vượt qua hết thử thách những sự khó khăn đó”...*

Gần sáu thập kỷ trôi qua, những biến động lịch sử trên quê hương cách mạng, cùng những lời chỉ bảo ân cần, minh triết của Người vẫn còn luôn tươi mới!

## TẾT TRUNG THU ĐẦU TIÊN CỦA MỘT NƯỚC ĐỘC LẬP

Năm 1945, mùa Thu. Cách mạng tháng Tám thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Chẳng những người lớn mà trẻ con cũng vui sướng được sống trong một đất nước đã bắt đầu có tự do và độc lập. Nhớ đêm Trung Thu đầu tiên trong sáng, long lanh và ấm áp diễn ra ở Thủ đô Hà Nội năm đó, ông Vũ Kỳ - người thư ký gắn bó nhiều năm với Bác Hồ - đã kể lại khá tỉ mỉ trong một thiên hồi ký...

Vào buổi chiều ngày 21-9-1945, tức ngày 15-8 (âm lịch) năm Ất Dậu, Bác Hồ bảo đồng chí thư ký về nhà trước, còn mình thì ở lại Bắc Bộ phủ đón các cháu thiếu nhi vào vui Tết Trung Thu. Trước đó mấy hôm, Bác đã viết một lá thư dài gửi các cháu nhân ngày tựu trường. Liên đó, Người viết *Thư gửi thiếu nhi Việt Nam đêm*

*Trung Thu.* Thư viết trước cả tuần lễ để kịp đến với các cháu mình khắp mọi miền đất nước, đủ thấy Bác của chúng ta bao giờ cũng chu tất. Đúng 21 giờ, các cháu có mặt trước Bắc Bộ phủ. Bác xuất hiện, tươi cười, thân thiết. Tiếng hoan hô, tiếng trống rộn ràng. Sư tử thì nhảy múa. Tất cả vui sướng, reo hò, kính chúc Bác Hồ sống lâu muôn tuổi. Bác xúc động bước xuống thêm đón các cháu. Tiếng hoan hô càng dậy lên. Một bạn nhỏ, đứng trước máy phóng thanh đọc lời chào mừng. Đọc xong, em hô to: “Bác Hồ muôn năm” thì lập tức, tiếng hô “Muôn năm” nối nhau không ngớt... Bác giơ cao hai tay, tỏ ý cảm ơn các cháu, rồi lần lượt, Bác bắt tay từng cháu đứng ở dãy đầu. Ánh mắt Bác lúc này vui sướng lạ thường. Bằng giọng Nghệ pha lẫn giọng các miền đất nước, Bác “vào chuyện” với các cháu rất tự nhiên: “*Các cháu! Đây là lời Bác Hồ nói chuyện...*”. Cuối bài nói, trước khi phá cỗ, Bác đề nghị tất cả cùng hô to: “*Trẻ em Việt Nam sung sướng!*” - “*Việt Nam Độc lập muôn năm!*”. Và thế là, tiếng hô của các em rền vang cả một vùng trời...

*"Trẻ em Việt Nam sung sướng!" - "Việt Nam Độc lập muôn năm!"*. Tôi nghĩ, đây không phải là khẩu hiệu, mà đây là tấm lòng khao khát tốt cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của tất cả thiếu nhi Việt Nam. Việt Nam có Độc lập, trẻ em mới được sung sướng. Và, trẻ em sung sướng thì sự Độc lập kia mới được thể hiện một cách cụ thể, thực chất. Trẻ em Việt Nam vui sướng, Việt Nam Độc lập muôn năm - sau gần 60 năm trôi qua, đến hôm nay và mãi mai sau, chắc chắn đó vẫn là những mục tiêu, là động lực cho mỗi chúng ta, cho các thế hệ tiếp nối suy tư và hành động.

GS. Tôn Thất Tùng, khi nghe tin Bác Hồ qua đời ông vừa khóc vừa viết: *"Gần Bác, không bao giờ nghe Bác nói chính trị hay lý luận cả, mà chỉ nghe những lời nhắc nhở của một người Cha đối với con"*. Nhớ về Trung Thu đầu tiên của nước Việt Nam Độc lập - Hoà bình, cho dù lúc bấy giờ một nửa nước phía Nam còn bị tạm chiếm, chúng ta khôn nguôi cảm phục tấm lòng, niềm khao khát của Người đối với thiếu nhi, rộng ra là đối với mọi người, để ai cũng có thể *"Thăng*

*lưng mà bước, ngẩng đầu mà bay” (Thơ Tố Hữu). Tôi chợt liên tưởng tới một đoạn văn trong Thời báo Đê-li (Ấn Độ) ra ngày 2-2-1958: “Thưa Cụ Hồ Chí Minh! Chúng tôi ôm chặt Cụ vào lòng! Tại sao chúng tôi hoan nghênh Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách thân mật như vậy? Vì Cụ là một trong những người hiếm có, một kiến trúc sư đã làm cho con người khỏi phải sống khom lưng. Người kiến trúc sư cao quý nhất là người làm cho lưng những người khác tự thẳng dậy!”.*

## “TẾT NÀY MỚI THẬT TẾT DÂN TA!”

Cuốn *Lịch sử Báo chí Việt Nam, 1865-1945* do PGS-TS Đỗ Quang Hưng chủ biên (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001), trong phần danh mục báo chí nước ta trước Cách mạng, có cho bạn đọc biết một vài thông tin về tờ báo *Quốc gia*. Bấy giờ, gọi là *Quốc gia nhật báo*, do ông Lê Ngọc Thiều làm chủ bút.

Toà soạn của *Quốc gia nhật báo*: 67. Place Neyeet - Hà Nội. Báo in tại Nhà in Lê Cường. Đây là một tờ báo tư nhân, số 24 ra vào ngày 20-7-1939 và xuất bản đến năm 1944 thì đóng cửa (có tư liệu cho là đến năm 1945, theo tôi, ý kiến sau có cơ sở hơn). Với tờ báo này, Chủ tịch Hồ Chí Minh có cảm tình và đã làm bài thơ, theo thể Đường luật, tặng toà soạn báo như sau:

## TẶNG BÁO QUỐC GIA

*Tết này mới thật Tết dân ta,  
Mấy chữ chào mừng Báo Quốc gia.  
Độc lập với đầy ba cốc rượu,  
Tự do vàng đỏ một rừng hoa.  
Muôn nhà chúc Tết Xuân Dân chủ,  
Cả nước hoan nghênh Phúc Cộng hoà.  
Ta chúc nhau rồi, ta nhớ chúc:  
Những người chiến sĩ ở phương xa!*

Trong cuốn sách *Thơ Hồ Chí Minh* của Nhà xuất bản Nghệ An (tái bản lần 2, năm 2003) thì phía dưới bài thơ không ghi thời gian sáng tác. Nhưng căn cứ vào nội dung, chi tiết và tinh thần của áng thơ, chắc chắn tác phẩm này phải ra đời vào năm đầu tiên của nước Việt Nam - Dân chủ - Cộng hoà, một đất nước đã bằng tim óc, máu xương của chính mình, do Đảng chỉ lối, vừa giành được tự do, độc lập.

Trong không khí tung bừng, hạnh phúc hưởng cái Tết đáng ghi nhớ đó, Bác Hồ nhắc nhở mọi người, chứ đâu chỉ với *Quốc gia nhật báo*,

rằng đừng quên “*Những người chiến sĩ ở phương xa*”. Cái tứ của bài thơ được bật mở, cả tám câu thơ như vượt khỏi vần luật, tràn trề niềm hưng phấn, niềm thơ nhưng tuyệt nhiên không rơi vào say sưa, lạc quan tếu, ích kỷ... Đó, chỉ có thể là tầm nhìn xa rộng, là tấm lòng ân nghĩa, chỉ chút của một Người Hiền như Bác:

*Ta chúc nhau rồi, ta nhớ chúc:*

*Những người chiến sĩ ở phương xa!*

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI BÁO CHÍ CHỐNG TIÊU CỰC

Có một điều khá thú vị: Hầu hết các nhà văn, nhà thơ tên tuổi, ngoài sáng tạo văn chương đều có tham gia làm báo - viết bài hoặc biên tập, và đến nay còn lưu giữ biết bao kỷ niệm đẹp về quãng đời làm báo sôi nổi của mình. Một người trong số họ là nhà thơ lão thành Trần Lê Văn. Ông có kể lại thời gian đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông hoạt động trong lĩnh vực báo chí, văn nghệ ở Nam Định quê hương. Nhà thơ tham gia xây dựng và viết bài cho *Báo Nam Định kháng chiến* giúp bạn đọc nắm bắt kịp thời tình hình chiến sự, ngoài ra còn nhiều chuyện thời sự sốt dẻo trong nước, ngoài nước giữa lúc phương tiện thông tin của ta lúc bấy giờ còn quá hạn chế. Trước yêu cầu ngày càng cao của bạn đọc, *Báo Nam Định kháng*

*chiến* có một bước cải tiến, mang cái tên mới *Công Dân*, chủ bút là nhà văn, nhà soạn kịch Trúc Đường. Thời kháng chiến, ông Trần Lê Văn cho biết, những hiện tượng tiêu cực ít khi xảy ra, mà nếu có thì báo chí cứ việc vạch mặt chỉ tên, không chút ngần ngại...

Có lần, trên Báo *Công Dân*, Trần Lê Văn viết một bài báo phản ánh thái độ hống hách, cửa quyền và hết sức tùy tiện của một cán bộ thuế vụ. Bài báo có đoạn rất sống động với giọng văn rần rỏi pha chút trào lộng: "...Ông phòng thuế cúi xuống viết, viết. Người đàn bà rầu rĩ lại kêu van. Ông phòng thuế lại ngẩng đầu lên: "Kêu nữa à! Thế thì 500". Ông phòng thuế lại cúi xuống viết, viết. Người đàn bà rầu rĩ lại kêu van. Ông phòng thuế lại ngẩng đầu lên: "Kêu nữa à! Thế thì 600"... Cứ mỗi lần bà kia kêu thì ông này lại tăng lên 100 đồng. Ai cũng biết việc đóng thuế là cần, để Nhà nước chi vào những việc công ích. Nhưng thu thuế theo kiểu của ông phòng thuế ấy thì thật là một "sáng kiến" kỳ lạ! Nửa tháng sau khi bài báo ra mắt, Tòa soạn Báo *Công Dân* nhận được một phong bì rất to. Mở ra, thấy số báo có

bài ông Văn viết về ông thuế vụ nọ. Cạnh bài báo có một vạch chì đỏ, kèm theo mấy chữ của Bác Hồ có ký tên Bác: *“Việc này hỏi chú Hiến”* (chú Hiến là ông Lê Văn Hiến - Bộ trưởng Bộ Tài chính lúc bấy giờ). Cùng trong bì thư, có công văn của Phủ Chủ tịch: *“Yêu cầu các đồng chí điều tra lại việc này và cho biên chứng cứ cụ thể”*. Anh em Tòa soạn Báo Công Dân đã tìm đủ các tài liệu liên quan gửi lên Chính phủ, lên Bác Hồ trong tâm trạng phấn chấn, chờ đợi.

Mẫu chuyện kể trên tuy nhỏ, xảy ra đã lâu nhưng ý nghĩa thì thật lớn lao. Hẳn nhiều người có tuổi trong chúng ta còn nhớ, ngay sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập chỉ 15 ngày, ngày 17-9-1945, trong thư gửi các đồng chí tỉnh nhà Nghệ An, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã báo động tình trạng cán bộ ta: *“Có người hủ hoá, lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là hành động độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư (lấy của chung làm của riêng). Thậm chí dùng phép công để báo thù tư (dùng pháp luật của Nhà nước để trả thù riêng), làm cho dân oán đến Chính phủ và đoàn thể. Những khuyết điểm trên, nhỏ thì làm cho dân*

*chúng hoang mang, lớn thì làm cho nền đoàn kết lay động*". Và Bác liền kêu gọi: "*Chúng ta phải lập tức sửa đổi ngay!*". Ở tình thế vận mệnh đất nước ngàn cân treo sợi tóc, dầu bận bịu trên cương vị lãnh đạo toàn dân toàn quân kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giành thời gian đọc nhiều tờ báo, loại báo, kể cả báo chí các địa phương. Không chỉ theo dõi động viên gương người tốt việc tốt, Bác còn quan tâm tỉ mỉ tới những vụ việc tiêu cực xảy ra hàng ngày được báo giới đem lên công luận. Không chỉ đọc kỹ, với những trường hợp bức xúc, đã thành thói quen Bác đánh dấu lên bài báo, yêu cầu xác minh, tìm hiểu thêm để qua đó nắm bắt toàn diện sự việc, từ bản chất, rồi tìm ra giải pháp phù hợp. Thì ra, ngay từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, báo chí cách mạng - dù chỉ là một tờ báo địa phương như Báo *Công Dân*, cũng đã trở thành một công cụ chính trị sắc bén của Đảng và nhân dân lao động.

Nói chuyện với các nhà báo tại Đại hội lần thứ 3 Hội Nhà báo Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết và nêu ra một ý kiến vô cùng

chuẩn xác về mối quan hệ qua lại, cần thiết giữa báo chí chống tiêu cực với những người được góp ý, phê phán. Bác nói: *“Những người ở bất cứ địa vị nào và những cơ quan được phê bình phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu phê bình sai thì đăng báo giải thích”*.

Ý kiến của Bác thật giản dị, không có câu chữ ý tứ nào lạ cả. Điều đáng lạ, là cho đến tận hôm nay, chúng ta vẫn chưa thực hiện đúng điều Người dạy, để nhân dân lao động còn thiếu tin tưởng vào chúng ta...

## “CÁC NHÀ VĂN HÓA VIỆT NAM HÃY CHÚ Ý ĐẶC BIỆT ĐẾN NHỊ ĐỒNG”

Đây là tên bài phát biểu của Bác Hồ tại lễ khai mạc Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ nhất, tổ chức ở Hà Nội, ngày 24-11-1946 (nghĩa là sau ngày Bác đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam mới, chỉ sau 1 năm 2 tháng 22 ngày!).

Mở đầu bài nói, Người khẳng định những đóng góp của nhị đồng Việt Nam cho Cách mạng, trên địa hạt văn hoá: *“Nhị đồng Việt Nam đã tiến bộ nhiều về văn hoá. Cứ xem mỗi khi có công việc gì thích hợp để làm, các em đã làm rất tài tình”*. Nói vậy sợ không cụ thể, không thuyết phục người nghe - nhất là những người lớn hay “coi thường”, “bắt nạt” trẻ con - Bác liền nêu ví dụ: *“Như cần tuyên truyền đời sống mới, cần*

*chống tệ nạn mù chữ, các em diễn ngay được những vở kịch ngắn, vui mà khéo biết bao!”*. Rồi, sợ mình rơi vào chủ quan, thiên vị cho các cháu, Người đã phải thốt lên từ gan ruột: *“Hay là không biết có phải vì tôi thương nhi đồng mà tôi thấy thế?”*. Nghe hoặc đọc tới đây, tôi tin chắc nhiều người lớn sẽ không cầm được nước mắt, bởi cảm phục tấm lòng thương yêu nhi đồng Việt Nam của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh, và sẽ ân hận thấy mình bấy lâu hình như cũng chưa “đặc biệt chú ý” đến các cháu?!

Thế nhưng, kết thúc bài nói vồn vện 98 chữ ấy, để kêu gọi các nhà văn hoá nước nhà, Bác Hồ đã không nhân danh mình là lãnh tụ, là Chủ tịch một nước vừa giành được chủ quyền, độc lập. Rất tự nhiên và cũng đầy thuyết phục, Người đứng về phía các cháu nhi đồng mà phát ngôn, mà yêu cầu: *“Tôi xin thay mặt toàn thể thiếu nhi Việt Nam kêu gọi các nhà văn hoá hãy chú ý đặc biệt nhi đồng!”*.

Theo dõi *Biên niên sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, chúng ta được biết, trước buổi nói chuyện với Hội nghị Văn hoá toàn quốc (24-11-1946)

thì ngày 7-11-1946, Bác đã ra thông báo về việc nhận con các liệt sĩ về làm con nuôi; ngày 9-11-1946, vào lúc 20 giờ, Người dự dạ hội của thiếu nhi Thủ đô Hà Nội mừng Quốc hội; và tới ngày 18-12-1946, tại làng Vạn Phúc, Bác Hồ đã chủ tọa Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng mở rộng, quyết định mở đầu cuộc Kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược, trên phạm vi toàn quốc!

## THẾ NÀO LÀ ĐỜI SỐNG MỚI TRONG MỘT GIA ĐÌNH ?

Chỉ sau 2 năm Cách mạng tháng Tám thành công, năm 1947, Ủy ban Trung ương vận động Đời sống mới cho xuất bản cuốn sách mỏng *Đời sống mới* của tác giả Tân Sinh. Ngoài lời tựa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sách gồm 19 phần, mỗi phần được kết cấu theo lối hỏi và đáp, lời lẽ giản dị, khúc chiết với mục đích làm cho cán bộ, nhân dân lúc bấy giờ ai đọc cũng dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo.

Vậy, thế nào là Đời sống mới? “*Đời sống mới - tác giả Tân Sinh viết ở phần 2 cuốn sách - không phải cái gì cũ cũng bỏ hết. Không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới*

*hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước. Cái gì mới mà hay, thì phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc có ngăn nắp". Nói tóm lại, mục đích tối cao của Đời sống mới, theo tác giả, là: "Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn".*

Ở phần thứ 10, tác giả cuốn sách đặt câu hỏi: Đời sống mới trong một nhà là như thế nào? Câu trả lời của Tân Sinh như sau: *"Mỗi người làm đúng theo Đời sống mới thì Đời sống mới trong một nhà cũng dễ dàng thôi. Cũng như mỗi viên đá trơ tru vững chắc, thì chỉ cần một ít vôi là đắp thành một bức tường tốt.*

*Về tinh thần, thì phải trên thuận dưới hoà, không thiên tri, thiên ái. Bỏ thói mẹ chồng hành hạ nàng dâu, dì ghẻ ghét bỏ con chồng.*

*Về vật chất, từ ăn mặc đến việc làm, phải ăn đều tiêu đúng, có kế hoạch có ngăn nắp.*

*Cười hỏi giỗ Tết nên giản đơn, tiết kiệm.*

*Trong nhà ngoài vườn luôn luôn sạch sẽ gọn gàng. Đối với xóm giềng, phải thân mật và sẵn lòng giúp đỡ. Đối với việc làng việc nước, phải hăng hái làm gương. Người trong nhà ai cũng biết chữ. Luôn luôn cố gắng, nhà mình thành một nhà kiểu mẫu trong làng”. Xây dựng Đời sống mới trong một gia đình theo những tiêu chuẩn nêu trên, tác giả Tân Sinh cho là: “Không có gì khó, không cần tốn tiền, tốn công. Có chí là làm được. Mà một nhà như thế, nhất định đất nước phải phát đạt!”.*

Những gợi ý xây dựng Đời sống mới trong một nhà nói riêng, một làng một nước nói chung, của tác giả Tân Sinh cho đến tận hôm nay, xem ra có cái chúng ta đang cố làm, và có nhiều cái chúng ta chưa làm được. Tôi nghĩ, các nhà hoạt động văn hoá, xã hội, giáo dục hiện tại nên xem *Đời sống mới* như một tài liệu tham khảo có giá trị mở đầu, khi hoạch định nhiều công việc của mình.

Công cuộc xây dựng Đời sống mới trên nước ta, từ thời điểm xuất hiện cuốn sách nói trên (1947), trải qua 2 cuộc kháng chiến chống

Pháp và Mỹ, thống nhất đất nước, rồi cả nước đi lên xây dựng CNXH... không thể nói chúng ta gặp nhiều thuận lợi. Tuy thế, Bác Hồ luôn theo dõi, động viên và tin tưởng sự nghiệp xây dựng Đời sống mới sẽ thành công. Ngày 10-9-1960, trong diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, có đoạn Người nói: *“Nhân dân ta là nhân dân anh hùng. Trong kháng chiến, nhân dân ta anh dũng chiến đấu, hy sinh xương máu và giành được thắng lợi to lớn. Ngày nay, đấu tranh để xây dựng Đời sống mới, Xã hội mới và để hoà bình, thống nhất nước nhà, dù còn gặp nhiều gian khổ, nhưng chắc chắn chúng ta sẽ toàn thắng!”*.

Để kết thúc, xin được nói thêm: Theo công bố của Tạp chí Cộng sản (5-1980), thì Tân Sinh, tác giả cuốn *Đời sống mới*, chính là một trong hơn một trăm bút danh của Bác Hồ!

## **“PHỤ NỮ PHẢI THAM GIA CHÍNH QUYỀN NHIỀU HƠN NỮ VÀ THIẾT THỰC HƠN NỮ”**

Trong hồ sơ lưu trữ của UBND tỉnh Nghệ An, hiện còn bức thư - bản đánh máy - viết tháng 8/1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào tỉnh Nghệ An. Mở đầu là lời cảm ơn đồng bào quê nhà đã tặng Người “món quà” đặc biệt quý báu nhân dịp sinh nhật của Người. Đây là thành tích thi đua trong 4 tháng đầu năm 1949. Tiếp theo, Bác có mấy lời thân ái khuyên đồng bào.

Bác khuyên cán bộ, nhân dân quê nhà về thi đua (theo Người thi đua phải thiết thực, bền bỉ, rộng khắp); về dân quân tự vệ (phải tổ chức chặt chẽ, tập luyện hăng hái, vũ trang đầy đủ); về thanh toán nạn mù chữ (có 6 huyện đã làm tốt, nội trong năm phải xoá mù chữ các huyện còn lại); về phong trào hợp tác xã và tập đoàn đổi

công (những người phụ trách phải tháo vát, trong sạch, Đời sống mới ở thôn quê phải phát triển hơn nữa). Điều đáng chú ý ở bức thư này là, chỉ sau Cách mạng tháng Tám 1945 mấy năm, bề bộn những công việc quan trọng cấp bách phải làm, Bác Hồ đã không quên đề cao vai trò của nữ giới trong chính quyền Cách mạng. Người viết trong thư: *“Tôi rất vui lòng rằng xã nào cũng có phụ nữ tham gia Hội đồng Nhân dân. Phụ nữ phải tham gia chính quyền nhiều hơn nữa, và thiết thực hơn nữa”*.

Yêu cầu “phụ nữ phải tham gia chính quyền nhiều hơn nữa”, ngoài việc Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của phụ nữ trong xã hội mới, còn nói lên điều này: Trong chính quyền Cách mạng, phụ nữ cần có ý thức rõ về mình, về lòng nhiệt tình đóng góp cho dân cho nước trên cương vị mới, cả về số lượng họ cần tham gia nữa. Nhưng điều quan trọng hơn là phải “thiết thực”, đã thiết thực rồi thì phải thiết thực hơn. Nghĩa là phải tính đến năng lực và hiệu quả hoạt động, tới chất lượng và phạm vi ảnh hưởng của nữ trong quá trình họ tham gia việc nước. Ở

đây, Bác dùng chữ “thiết thực” vừa giản dị, ai đọc cũng hiểu, vừa bao hàm một nội dung sâu rộng, lâu dài. Thiết thực còn đối lập với căn bệnh hình thức, được tiếng chị em “tham gia HĐND” cho có nam có nữ, chứ thực ra chưa hẳn đã cần thiết, đã xứng đáng, từ đó mà làm khổ chị em, làm khổ nhiều người khác nữa...

Thế giới đã trải qua bao biến thiên lịch sử, ở nước ta vai trò, vị trí người phụ nữ về cơ bản đã được đổi mới. Đó là một tất yếu, bởi vì cũng như Bác nói: *“Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng XHCN chỉ một nửa”* (1959), và cũng bởi vì *“Phụ nữ Việt Nam ta sẵn có truyền thống đấu tranh anh dũng và lao động cần cù”* (1960). Những lời khuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi đồng bào Nghệ An cách đây hơn nửa thế kỷ, vẫn còn nóng hổi giá trị nhân văn và thời sự!

## BÁC HỒ NGHE... THƠ VỀ BÁC

### I

Ông Vũ Kỳ, người rất gần gũi với Bác Hồ, kể lại cho nhà thơ Minh Huệ mẩu chuyện sau đây. Bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*” vừa ra đời (1951) đã được phổ biến rộng rãi qua đài, báo; các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ yêu thích và truyền tụng bài thơ như một câu chuyện kháng chiến thấm thía và có thật.

Hôm ấy, trong Phủ Chủ tịch, vào khoảng 7 giờ tối, ông Vũ Kỳ lên nhà sàn xin gặp Bác. Theo thói quen, ông cẩn thận bỏ guốc, bước nhẹ lên thang gác để khỏi ảnh hưởng đến Bác. Vừa đến cửa cũng là lúc chiếc đài bán dẫn trên bàn làm việc của Bác phát đi bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*” của nhà thơ Minh Huệ. Ông Vũ Kỳ liền đứng im, muốn theo dõi cử chỉ, thái độ của Bác lúc này ra sao? Là người khiêm tốn, tế nhị

nên hiếm khi Người nhận xét cụ thể những tác phẩm về mình. Nhưng, có thể lần này sẽ khác chăng? Bác chăm chú nghe, thỉnh thoảng lại nở một nụ cười. Có cảm giác Bác đang cảm thông, thấu hiểu và chia sẻ phần nào với hiện thực kháng chiến sống động phản ánh qua bài thơ mà Bác cũng là một nhân vật văn học; Bác cảm thông, thấu hiểu và chia sẻ phần nào với tấm lòng thành kính và ý tưởng nghệ thuật của một nhà thơ thời kháng chiến.

Lời ngâm vừa dứt, một phút sau, làm như không hay biết gì, “khách” mới gõ cửa xin Bác cho vào. Chỉ thấy nét mặt Người vui vui... Còn tuyệt nhiên, Bác không nói lời nào về bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*” vừa được ngâm qua đài.

Ông Vũ Kỳ còn “tiết lộ” cho nhà thơ Minh Huệ biết thêm: Một lần khác sau đó, khi chiếc đài vừa giới thiệu bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*”, Bác Hồ liền vịn lại cho tiếng thật nhỏ, tỏ ý không muốn nghe nhiều lần một tác phẩm ca ngợi mình. Còn với Minh Huệ - ông Vũ Kỳ nhìn nhà thơ âu yếm - chỉ với nụ cười kia của Bác,

cũng đủ là một phần thưởng vô giá cho một đời cầm bút!

## II

Sử sách còn ghi và không ít người dân, cán bộ trong chúng ta còn nhớ: Vào trung tuần tháng 10 năm 1962, Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do GS. Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu, ra thăm miền Bắc. Trong 12 ngày ở lại, đoàn được Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cùng nhiều đoàn thể nhân dân miền Bắc tiếp đón thân tình như những người con đi xa lâu ngày, giờ mới có dịp gặp lại. Biểu lộ tình cảm sâu sắc, chân thành của bản thân đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, Bác của chúng ta đã có một câu nói iới tiếng vào dịp này. Người chỉ tay vào phía trái ngực mình: *“Hình ảnh của miền Nam yêu quý uôn ở trong trái tim tôi!”*. Trong Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, có nhà thơ Thanh Hải. Tại một phiên họp Quốc hội mà đoàn vinh dự được mời tham gia, giờ giải lao, các đại biểu vây

quanh lấy đoàn thăm hỏi, hàn huyên... Bác Hồ bước đến, kéo nhà thơ tới gần mình, rồi giới thiệu:

- Các chú có biết chú này không? Chú này là miền Nam trọ trẹ đây (ý chỉ Thanh Hải là người Thừa Thiên - Huế).

Nói xong, Bác cười và bảo nhà thơ ngâm cho Bác nghe một bài thơ. Xúc động quá, một lát sau Thanh Hải mới thốt nên lời:

- Dạ, cháu xin ngâm mời Bác nghe bài thơ “*Cháu nhớ Bác Hồ*”:

*Đêm nay bên bến Ô Lâu  
Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ  
Nhớ hình Bác giữa bóng cờ  
Hong hào đôi má, bạc phơ mái đầu...*

Khi tác giả ngâm tới đoạn: “*Càng nhìn càng lại ngẩn ngơ / Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn*”, thì Thanh Hải đột ngột quên, không ngâm tiếp được nữa. Thấy nhà thơ lúng túng, Bác Hồ liền ôm lấy đứa cháu miền Nam thương yêu của mình, hôn lên má và âu yếm:

- Đây, hôm nay thì Bác hôn thật đây này!

Năm 1980, nhà thơ Thanh Hải qua đời, nhưng bài thơ lục bát *“Cháu nhớ Bác Hồ”* (viết năm 1956) vẫn còn mãi được nhắc nhở. Và chắc chắn, một trong những hạnh phúc hiếm hoi của đời ông là được đọc thơ viết về Bác mời Bác nghe, còn được Bác ôm hôn nữa. Trong bài viết: *“Được Bác săn sóc, được Bác phê bình”* (sách *Bác Hồ với văn nghệ sĩ* của nhiều tác giả, NXB. Tác Phẩm Mới, 1980), có đoạn nhà thơ Thanh Hải như reo lên: *“Trời ơi, tôi sướng quá và may sao một nhà nhiếp ảnh đã kịp ghi lại phút thiêng liêng đó. Đến hôm nay, mỗi lần giở tấm ảnh ra, tôi vẫn thấy như còn ấm hơi Bác!”*.

## CÂU CHUYỆN CỦA TÌNH NGƯỜI

Ở chiến khu Việt Bắc cuối tháng 10 năm 1951, Bác Hồ có chuyến đi thăm một lớp học khoá hai, của Tổng cục Chính trị thuộc Bộ Tổng tư lệnh. Cùng đi với Bác lần này có đồng chí hiệu trưởng nhà trường.

Qua khỏi cánh rừng, tới ven bờ suối, Bác bỗng dừng lại trước một phụ nữ người dân tộc Tày, đang vừa chăn trâu vừa bế một cháu nhỏ bụng bẫm. Rất dỗi trầu mếu, Người nhìn cháu bé rồi dùng tiếng Tày bảo chị cần giữ ấm cho cháu bởi gió núi mưa ngàn dễ khiến bé bị cảm lạnh. Chị người Tày vâng lời Bác, vội bế con dẫn trâu lui vào bản.

Trên đường đi tiếp, Bác còn ân cần hỏi chuyện đồng chí hiệu trưởng:

- Chú được mấy cháu?

- Dạ, thưa Bác, được hai cháu ạ. Cháu trai tên Thu Sơn, cháu gái tên Thu Thủy.

Bác cười hiền hậu và khen động viên:

- Tên các cháu đẹp thật! Chú là nhà văn nên thích núi mùa Thu, nước mùa Thu. Ở thôn nọ, Bác từng gặp một gia đình nông dân, bà con đặt tên cho các cháu là Khoai và Thóc - Nguyễn Thu Khoai và Nguyễn Thu Thóc. Nghe vậy, cũng hay hay.

Cả hai Bác, cháu cùng cười. Bác lại hỏi:

- Thím ấy hiện làm gì?

- Dạ, thưa Bác, các cháu ở nhà còn nhỏ nên nhà cháu luôn bận bịu việc chăm nom các cháu ạ!

Một thoáng ái ngại hiện trên gương mặt Người. Rồi Bác chậm rãi như vừa phân tích vừa khuyên nhủ đồng chí cán bộ cùng đi với mình:

- Chú phải tính sao để giao công tác cho thím ấy. Tùy năng lực mà giao. Đánh máy, kế toán, hay cấp dưỡng... Phụ nữ phải được sinh hoạt trong một tổ chức, nếu không họ dễ bị lạc

hậu. Mà khi đã lạc hậu, thì sắc đẹp, tình yêu cũng khó mà giữ, chú ạ!

Còn nhớ có lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên dương: *“Phụ nữ Việt Nam ta sẵn có truyền thống đấu tranh và lao động cần cù”*. Cái vốn truyền thống quý báu đó không phải “nhất thành bất biến” nên phải thường xuyên khơi gợi, đánh thức, nuôi nấng, bảo vệ và phát huy. Tại Hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, tổ chức ngày 10 tháng 10 năm 1959 ở Thủ đô Hà Nội, Bác chỉ rõ một sự thật mà không phải ai cũng ý thức rõ được: *“Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ, thì không giải phóng một nửa loài người”*. Từ đó, Bác cảnh tỉnh chúng ta: *“Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”*.

Đúng quá! Mẫu chuyện nhỏ kể trên, cách đây đã hơn nửa thế kỷ, nay còn gợi mở một nhận thức có giá trị thời sự: Sự nghiệp quan tâm và giải phóng phụ nữ nước ta - ở miền núi cũng như miền xuôi - phải nhất quán giữa Nói và Làm (không phải nói suông, hay nói một đằng làm

một nẻo); và trong khi làm thì cần hết sức chú ý tới những việc thiết thực cụ thể, thậm chí cả những việc lặt vặt khi ngỡ như vụn vặt nữa (chứ không nên dừng lại ở những việc to tát, dễ thấy, dễ báo cáo)... Có thể nói, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc quan tâm và giải phóng phụ nữ từ lâu đã trở thành câu chuyện của tình người.

## ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG TÂM NHÌN CỦA BÁC

Thuộc tỉnh Lai Châu, giữa một vùng rừng núi Tây - Bắc, gần biên giới Việt - Lào, Điện Biên Phủ nằm trên ngã ba của nhiều đường giao thông quan trọng, nối liền các tỉnh miền Tây Bắc nước ta và đi Lào. Bởi vậy, có thể khẳng định Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quân sự hết sức lợi hại đối với toàn bộ chiến cuộc Đông Dương.

Được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, năm 1953, thực dân Pháp đã xây dựng tại Điện Biên một tập đoàn cứ điểm quân sự với kết cấu chặt chẽ, phòng ngự cân mật, vũ khí tối tân, và quân số tập trung tại đó lên tới 16.200 tên. Âm mưu của chúng là thu hút quân chủ lực của ta vào chiến trường Điện Biên, từ đó mà xoay chuyển tình thế khốn quẫn của giặc Pháp trên khắp chiến trường Đông Dương lúc bấy giờ.

Vào tháng 12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ra quyết định tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Sau gần 4 tháng gấp rút chuẩn bị, ngày 13-3-1954, bộ đội Cụ Hồ bắt đầu nổ súng tấn công. Sau 55 ngày đêm liên tục chiến đấu mưu trí, quả cảm, đầy hy sinh, vào chiều ngày 7-5-1954, lá cờ Quyết chiến quyết thắng của quân ta đã hiên ngang cắm trên nóc hầm sở chỉ huy của địch. Tướng Đờ Cát ra hàng, một vạn sáu ngàn tên giặc bị giết và làm tù binh. Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ!

Là vị “Tổng tư lệnh tối cao” của toàn quân, của cả dân tộc, chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ 5 ngày, ngày 12-5-1954, Bác Hồ sáng tác bài thơ “*Quân ta toàn thắng ở Điện Biên*”. Bút pháp ở bài này gần với báo chí nhưng tâm hồn người viết thì đầy hào sảng. Đây là đoạn thơ cuối:

*Thế là quân ta đã toàn thắng  
Toàn thắng là vì rất cố gắng  
Chiến sĩ viết thư lên Bác Hồ*

*Xin Bác vui lòng mà nhận cho  
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác  
Chúng cháu cố gắng đã sắm được!*

Sử liệu còn cho chúng ta biết: Đáp lại tấm lòng các chiến sĩ Điện Biên, cũng trong ngày 12-5 này, Bác Hồ gửi thư tới toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở khắp mặt trận Điện Biên Phủ. Người nhắc nhở không được chủ quan khinh địch, phải luôn sẵn sàng chiến đấu để giành thắng lợi hơn nữa. Và Người hứa sẽ tặng thưởng cho các cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch Điện Biên huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên”. Đối với bộ đội mình thì thế, còn đối với binh sĩ Pháp trong đó có nhiều thương binh, thái độ, quan điểm của Bác như thế nào? Điều này, Bác Hồ viết rõ trong loạt bài báo mang tên “*Mẩu chuyện Điện Biên*” in gần như liên tục trên 6 số Báo Cứu quốc vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 1954: “*Ta tiêu diệt và bắt sống hơn 16.000 binh sĩ Pháp, trong đó có độ 1000 thương binh. Khắp thế giới đều biết chính sách nhân đạo của ta đối với thương binh (và tù binh) địch*”. Ta thì vậy, còn bọn chỉ huy địch đối với thương binh Pháp thì thế nào? Trong

loạt bài báo vừa nêu, có đoạn Bác vạch trần chân tướng dã thú, vô nhân đạo của quan thầy chúng, vào thời điểm chót: *"Hãng thông tấn U.P Mỹ (7-5) viết: Hơn 1000 thương binh quần quai dưới hầm tối đen và ngạt thở, bên cạnh sở chỉ huy Pháp... Đến phút cuối cùng, tướng Đờ Cát đã ra lệnh cho súng lớn bắn vào sở chỉ huy"!?*

Sau 50 năm bôn ba đó đây tìm đường cứu nước, làm nên Cách mạng tháng Tám và chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 6 năm 1957, lần đầu trở về thăm quê hương Nghệ An, Chủ tịch Hồ Chí Minh có dịp nói chuyện với Hội nghị đại biểu nhân dân tỉnh nhà. Bài nói có đoạn: *"Trong kháng chiến, tỉnh nhà đã có hơn 8 vạn thanh niên vào bộ đội, hơn 1 vạn 5 ngàn dân quân du kích, hơn 1 triệu dân công phục vụ kháng chiến trong đó có 96 đơn vị và cá nhân đã có thành tích vẻ vang, được Chính phủ khen thưởng".* Và Bác đã trân trọng ghi nhận: *"Do sự đoàn kết và cố gắng ấy mà tỉnh ta đã góp một phần xứng đáng vẻ vang cho cuộc kháng chiến thắng lợi. Cả thế giới đều nghe tiếng, kính phục nhân dân ta!"*.

*Kháng chiến ba ngàn ngày  
Không đêm nào vui bằng đêm nay  
Đêm lịch sử, Điện Biên sáng rực  
Trên đất nước, như huân chương trên ngực  
Dân tộc ta, dân tộc anh hùng  
Điện Biên vui với nghìn trùng  
Mà lòng bốn biển nhịp cùng lòng ta...*

(Tố Hữu - Hoan hô chiến sĩ Điện Biên)

Chiến thắng Điện Biên Phủ trong niềm hân hoan của cả dân tộc ta, trong tầm nhìn của Bác Hồ cũng như của những người có lương tri trên khắp hành tinh vẫn là một tất yếu lịch sử, một sự kiện mà tầm vóc, ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi một đất nước, một giai đoạn. Có lẽ bởi thế, nên Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp đã và mãi mãi còn là đề tài thời sự đầy hào hứng, đối với nhiều thế hệ người Việt Nam và bè bạn thế giới!